TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **156** /2020 /DS-PT
Ngày : 16 - 7 - 2020
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông
Ông Phạm Tồn

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1102/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu X (Ch), sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; trụ sở: Số 24 đường T1, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Huy Th1 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H1 (Theo

văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2019) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2- Văn phòng công chứng PC; địa chỉ: 32 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Kiều Ng, Trưởng văn phòng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 06 phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3.4- Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3.5- Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3.6- Ông Nguyễn Hữu Thành L, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2011 và quá trình tố tụng, ông Nguyễn Hữu K trình bày:

Cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị G có 09 người con chung, nhưng 05 người chết khi còn nhỏ không có vợ con, còn lại 04 người là ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Thị H3. Cụ T2 chết ngày 27/02/2002, cụ G chết ngày 25/9/2000 đều không để lại di chúc; di sản của hai Cụ là 437,2 m^2 đất thổ cư, trên đất có ngôi nhà 03 gian (là nhà thờ nằm ở giữa) và nhà bếp, tại thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng, hiện nay ông X đang quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng ông X đã xây một ngôi nhà cấp 3 trên đất. Nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản của cha, chia tài sản chung đối với di sản của mẹ để lại là 437,2 m^2 đất thổ cư và ngôi nhà 03 gian. Vì ông là con trưởng và hiện tại đang ở nhà trên đất gia đình nhà vợ, nên có nguyện vọng được chia 100 m^2 đất còn trống kề bên nhà thờ để làm nhà ở.

Ngày 27/02/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu K có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 452551 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu X ngày 23/12/2013; hủy phần chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Hữu X trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số c 823779 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp cho ông Nguyễn T2 ngày 22/7/1994; hủy Hợp đồng tặng cho ngày 05/8/2014 giữa ông Nguyễn Hữu X, bà Nguyễn Thị X1 và ông Nguyễn Hữu

Thành L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BV 191617 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu Thành L ngày 26/8/2014.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hữu X trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu X thừa nhận di sản thừa kế, hàng thừa kế, thời gian, địa điểm mở thừa kế như ông Nguyễn Hữu K đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, nhà bếp của cha, mẹ để lại bị bão làm sập nên ông X đã xây thành nhà ông X đang ở hiện nay, ngôi nhà thờ hiện nay đang còn tồn tại dùng để thờ cúng cha mẹ. Ông X đã sống cùng với cha mẹ từ nhỏ, trước đây cha, mẹ có mua nhà đất cho ông K ra ở riêng, nay ông K yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại ông X không đồng ý. Nguyện vọng của ông là muốn giữ lại phần đất này để mở rộng nhà thờ chung.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị N trình bày:* hai Bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn là ông Nguyễn Hữu X; bà H3 và bà N không đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, đồng thời có nguyện vọng giao kỷ phần di sản của mình cho ông X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X1 trình bày:* Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Hữu X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Thành L trình bày***:** Ông được cha mẹ là ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Thị X1 tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 7 tại thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng là hợp pháp và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Văn phòng công chứng PC trình bày***:** Ngày 05/8/2014, Công chứng viên Văn phòng Công chứng PC thành phố Đà Nẵng có chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 486, quyển số TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên tặng cho là vợ chồng ông Nguyễn Hữu X (1971) và bà Nguyễn Thị X1 (1969) với bên được tặng cho là ông Nguyễn Hữu Thành L (1993). Nội dung hợp đồng thể hiện vợ chồng ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Thị X1 tặng cho ông Nguyễn Hữu Thành L một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất tọa lạc tại thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng, diện tích tặng cho là 150m^2. Quá trình thực hiện hợp đồng công chứng nên trên, công chứng viên chứng nhận hợp đồng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật công chứng và các luật khác có liên quan.

*- Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trình bày***:** Theo bản án số 81/2013/DS-PT ngày 18/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung. Theo đó, giao cho ông Nguyễn Hữu X quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 437,2m^2 tại thửa số 429, tờ bản đồ số 7 và một ngôi nhà ba gian tọa lạc tại thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng là tài sàn của ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị G. Trên cơ sở đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H1 đã xác lập hồ sơ trình Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng thẩm tra trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 452551 cho ông Nguyễn Hữu X.

Đến năm 2014, ông Nguyễn Hữu X tách thửa đất trên thêm một thửa đất mới số 1549 với diện tích 15Om^2 đất ở để tặng cho ông Nguyễn Hữu Thành L được Văn phòng công chứng PC công chứng ngày 05/8/2014, số công chứng 486. Trên cơ sở đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H1 đã xác lập hồ sơ trình Văn phòng đăng ký đất đai thành phố thẩm tra trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 191617 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu Thành L ngày 26/8/2014.

Việc thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đăng ký biến động sau khi được cấp giấy chứng nhận nêu trên đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định hiện hành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Căn cứ các điều 623, 650 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 2, khoản 5 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu K;

Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn T2, cụ Nguyễn Thị G là thửa đất có diện tích 425,2m^2 (trong đó 40Om^2 đất ở và 25,2m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị G gồm có ông

Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu X và bà Nguyễn Thị H3. Tuyên xử:

1.Giao cho ông Nguyễn Hữu K được quyền sử dụng phần diện tích đất ở là 100m^2 tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Hữu K được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Giao cho ông Nguyễn Hữu X được quyền sử dụng toàn bộ diện tích nhà trên phần diện tích đất là 325,2m^2 (trong đó có 300m^2 và 25,2m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (Có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Hữu X được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật.

3.Ông Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ trích trả phần chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Hữu X số tiền 90.304.582đồng.

4.Tuyên hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 452551 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu X ngày 23/12/2013; Phần chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Hữu X ngày 16/12/2013 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823779 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp cho ông Nguyễn T2 ngày 22/7/1994; Hợp đồng tặng cho tài sản ngày 05/8/2014 giữa ông Nguyễn Hữu X, bà Nguyễn Thị X1 và ông Nguyễn Hữu Thành L của Văn phòng công chứng PC và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BV 191617 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu Thành L ngày 26/8/2014.

Kháng cáo: ngày 22/11/2019 ông Nguyễn Hữu X kháng cáo với nội dung chia di sản bằng hiện hiện vật cho ông Nguyễn Hữu K 100m^2 đất là không hợp lý vì ông K đã có nhà ở nơi khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã phân chia cho ông K 100m^2 đất di sản nhưng không thể hiện số đo tứ cận là đảm bảo cho việc

Thi hành án. Tuy nhiên khi Tòa án cấp phúc thẩm có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ xem xét thẩm định số 06/QĐ-UTTTCC ngày 09/6/2020 thì Tòa án thành phố Đà Nẵng đã khắc phục được thiếu sót trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về nội dung của tranh chấp: ông Nguyễn Hữu K khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị G là toàn bộ 437,2 m^2 đất thổ cư, thực tế hiện nay còn lại là 425,2m^2 (trong đó 400m^2 đất ở và 25,2m^2 đất trồng cây lâu năm), tại thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Trên diện tích đất có di sản là ngôi nhà 03 gian là nhà cũ còn lại đang dùng để thờ phụng ông bà tổ tiên trong gia đình, không có yêu cầu khởi kiện phân chia về giá trị ngôi nhà này.

Cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị G có 04 người con chung được xác định là những người hưởng thừa kế là ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H3.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X

Ông Nguyễn Hữu K là một trong những người hưởng thừa kế nên có quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế của các Cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị G để lại. Ông Nguyễn Hữu X ở với cụ T2 và cụ G, khi các cụ chết thì gia đình X tiếp tục ở đây, do đó ông X có công bảo quản, duy trì di sản nên bản án sơ thẩm đã xem xét quyết định trích 20% giá trị di sản cho công sức của ông X là hợp lý; tương ứng với 8Om^2 đất ở và 5,04m^2 đất trồng cây lâu năm (bằng một kỷ phần thừa kế). Phần diện tích đất còn lại 320m^2 đất ở và 20,16m^2 đất trồng cây lâu năm chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Nguyễn Hữu K, Nguyễn Hữu X, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị H3, mỗi phần có giá trị là 80m^2 đất ở và 5,04m^2 đất trồng cây lâu năm.

Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H3 có nguyện vọng giao kỷ phần của mình cho ông X. Do vậy, di sản thừa kế ông X được nhận là 320m^2 đất ở và 20,16m^2 đất trồng cây lâu năm, trên đất có ngôi nhà ở của ông và ngôi nhà cũ thờ phụng (giá trị của ngôi nhà cũ đang dùng thờ phụng này không có yêu cầu chia thừa kế, nhưng phần diện tích đất nền gắn liền ngôi nhà cũ này đã được phân chia cho ông X). Phần di sản thừa kế ông Nguyễn Hữu K được nhận là 80m^2 đất ở và 5,04m^2 đất trồng cây lâu năm, hiện trạng đất còn trống.

Do ông K có nguyện vọng được nhận đủ 100m^2 đất để làm nhà ở thuận lợi cho các sinh hoạt trong cuộc sống, hiện trạng đất hoàn toàn phân chia được nên bản án sơ

thẩm đã quyết định giao cho ông K sử dụng 100m^2 đất ở và buộc ông K phải trích trả lại giá trị phần chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Hữu X là phù hợp. Việc chia di sản là quyền sử dụng đất bằng hiện vật là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015 (khoản 2 Điều 685 BLDS 2005) và phù hợp với Quyết định giám đốc thẩm số 69/2016/DS-GĐT ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Phần diện tích đất ông K được nhận 100m^2 đất và phần ông X được nhận 325.2m^2 đã được xác định rõ ranh giới, vị trí trong Sơ đồ vị trí thửa đất (mới), thuận lợi cho việc thi hành án.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp cho ông Nguyễn Hữu X ngày 23/12/2013; Phần chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Hữu X ngày 16/12/2013 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823779 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp cho cụ ông Nguyễn T2 ngày 22/7/1994; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BV 191617 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu Thành L ngày 26/8/2014 được cấp trên cơ sở Bản án phúc thẩm số 81/2013/DS-PT ngày 18/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, Bản án này đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 69/2016/DS-GĐT ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên căn cứ để cấp các Giấy chứng nhận không còn; để giải quyết hậu quả của Bản án số 81 đã bị Quyết định Giám đốc thẩm hủy thì phải hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản trên đất đã cấp trên cơ sở Bản án 81 này mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Đồng thời để tạo điều kiện cho các đương sự lập thủ tục cấp mới lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất theo tên từng người sau khi phân chia thừa kế xong, nên cần tuyên hủy các văn bản, quyết định nêu trên.

[3] Bản án sơ thẩm đã nhận định đầy đủ và toàn diện các nội dung khởi kiện, đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ để từ đó xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ cần điều chỉnh bổ sung vào phần quyết định số đo cụ thể tứ cạnh của diện tích đất 100m^2 mà bản án sơ thẩm đã phân chia cho ông Nguyễn Hữu K và phát hành bổ sung "*sơ đồ vị trí thửa đất*" (mới) kèm theo bản án phúc thẩm. (Sơ đồ vị trí thửa đất (mới) kèm theo bản án phúc thẩm cũng do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện, không khác với Sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm, chỉ bổ sung số đo tứ cận thửa đất phân chia để xác định vị trí, diện tích hình thể cụ thể.)

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 23 – 10 – 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Áp dụng các Điều 623, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Phân chia cho ông Nguyễn Hữu K được quyền sử dụng phần phần diện tích đất ở là 100m^2 tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. (Có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo).Ông Nguyễn Hữu K được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần được phân chia theo quy định của pháp luật.

Phân chia cho ông Nguyễn Hữu X được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là 325,2m^2 (trong đó có 300m^2 và 25,2m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (Có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo). Ông Nguyễn Hữu X được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo phần của mình được phân chia, theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ thối trả giá trị phần chênh lệch về tài sản được nhận cho ông Nguyễn Hữu X số tiền 90.304.582 đồng (*Chín mươi triệu ba trăm lẽ bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)*.

Tuyên hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 452551 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu X ngày 23/12/2013; Phần chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Hữu X ngày 16/12/2013 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823779 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp cho ông Nguyễn T2 ngày 22/7/1994; Hợp đồng tặng cho tài sản ngày 05/8/2014 giữa ông Nguyễn Hữu X, bà Nguyễn Thị X1 và ông Nguyễn Hữu Thành L của Văn phòng công chứng PC và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 191617 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Hữu Thành L ngày 26/8/2014.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001999 ngày 10/12/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS h. H1
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long